

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 28 tháng 02 năm 2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đào và bà Nguyễn Thị Hồng Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị L**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 5A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Bà Đinh Thị H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: **Anh Hà Khắc T**, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKNKTT: Khu 5A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 2, trại giam Tân Lập thuộc xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/3/2011, chị và anh Hà Khắc T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian

tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với bố mẹ anh T tại Khu 5A, xã Tân Phú. Hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó, anh T phạm tội và bị kết án 23 năm tù giam.

Kể từ thời điểm anh T đi chấp hành án cho đến nay, chị phải một mình nuôi con, hơn nữa, thời gian chấp hành án của anh T quá dài, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bởi vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh T.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 12/12/2010. Hiện cháu đang sống cùng với chị, khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- **Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Phía Bị đơn, anh Hà Khắc T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Tân Lập tại bản tự khai ngày 23/12/2019, anh Hà Khắc T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh T xác nhận thời điểm kết hôn, thời gian vợ chung sống như chị L trình bày là đúng. Hiện thời gian anh đang chấp hành án còn dài, anh đồng ý ly hôn chị L.

- **Về con chung:** Anh T xác nhận vợ chồng có con chung chị L trình bày là đúng. Khi vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh T.

- **Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị L; cho chị L được ly hôn anh Hà Khắc T. Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Anh T đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện anh T đang chấp hành án tại Đội 6, phân trại số 2, trại giam Tân Lập, bên cạnh đó, anh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án. Căn cứ

vào khoản 2, Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị L, anh T đều có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/3/2011, anh T và chị L đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và cùng tự nguyện đi tới hôn nhân. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với bố mẹ anh T tại Khu 5A, xã T. Hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó, anh T phạm tội và phải chấp hành bản án với thời gian là 23 năm tù. Nay chị L xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Phía anh T, hiện đang phải cải tạo tập trung và cũng đồng ý ly hôn chị L.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị L có 01 (một) con chung là cháu: Hà Anh T, sinh ngày 12/12/2010. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Anh T đến khi thành niên, có khả năng lao động; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T, cũng tự nguyện để cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì anh đang phải cải tạo tập trung không có điều kiện nuôi con.

Tại Bản tự khai ngày 11/12/2019 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cháu Hà Anh T đã trình bày ý kiến xin được ở với mẹ (chị L).

Xét thấy, hiện nay anh T không có điều kiện nuôi con, chị L tự nguyện xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy cần giao cháu Tuấn cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị L, anh T có thay đổi về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con chung thì anh chị có quyền có yêu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi chị L, anh T có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị L là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Hà Khắc T.

2) **Về nuôi con chung:** Giao cháu Hà Anh T, sinh ngày 12/12/2010 cho chị Hà Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3) **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Hà Thị L phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: AA/2010/001298 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

5) **Về quyền kháng cáo:** Anh Hà Khắc T và chị Hà Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

6) Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

